TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/DS-PT
Ngày 17-3-2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2019/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 323/2022/QĐPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Thành Đ - Hội Luật gia tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Thái H1, sinh năm 1963

2.2. Bà Huỳnh Thị Tuyết M, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Thiện T, sinh năm 1992

3.2. Chị Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1996

Địa chỉ: Phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3.3. Ủy ban nhân dân thành phố B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Vĩnh K - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nam H2 - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Thái H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Năm 1996, bà có nhận chuyển nhượng một phần đất của bà Trần Thị T2 diện tích 483,1 m^2 trong đó có 100 m^2 đất thổ cư thuộc thửa 28, tờ bản đồ số 34, tọa lạc Phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre, bà đang đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi nhận đất bà xây căn nhà cấp bốn và ở trên đất. Năm 2008, em ruột bà là ông Nguyễn Thái H1 có hoàn cảnh khó khăn cần chỗ ở, bà cho ông H1 ở nhờ căn nhà trên đất và thỏa thuận khi nào bà cần thì ông H1 trả nhà đất.

Đến tháng 5 năm 2017, do có nhu cầu sử dụng căn nhà nên bà bàn bạc với ông H1 để lấy lại căn nhà nhưng ông H1 cho rằng đất bà không có sổ đỏ nên bà không có quyền. Sau đó, bà tiến hành lập các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017, khi bà làm thủ tục cấp giấy ông H1 biết và không có ý kiến gì. Bà tiếp tục yêu cầu ông H1 và vợ con trả nhà đất cho bà. Khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố B vợ chồng ông H1 đồng ý trả lại đất cho bà nhưng có yêu cầu bà cho ở căn nhà phía sau nhưng bà không đồng ý. Bà yêu cầu ông H1 cùng vợ con là Huỳnh Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thiện T phải trả lại nhà đất qua đo đạc thực tế có diện tích 49,9 m^2 thuộc một phần thửa 28, tờ bản đồ số 34, tọa lạc Phường X, thành phố B do bà đứng tên quyền sử dụng đất.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Thái H1, bà Huỳnh Thị Tuyết M và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Nguồn gốc phần đất thửa 28, tờ bản đồ số 34 do bà Nguyễn Thị Kim H đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của ông bà ngoại ông mướn của bà M nhưng không sử dụng mà để cho mẹ ông canh tác. Cha mẹ ông về đây sinh sống từ năm 1977 và trả tiền thuê đất. Cha ông chết năm 1990, đến năm 1996 thì không trả tiền thuê đất tiếp do nhà nước có chủ trương hợp thức hóa nhà đất. Lúc này mẹ ông vẫn còn làm vựa phế liệu nên đứng ra làm tất cả các thủ tục hợp thức hóa nhưng vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất. Bà H sống chung với cha mẹ từ nhỏ đến lớn do không có gia đình riêng. Ngoài ra, cha mẹ ông có mua được một căn nhà khác đối diện căn nhà đang ở cho ông Nguyễn Thái H2, ông Nguyễn Thái H3 và ông ra riêng, do nhiều người con cùng sống chung một nhà sẽ rất bất tiện. Đến năm 2001, nhà nước giải tỏa căn nhà đối diện, cha mẹ ông dùng số tiền giải tỏa để cất 03 căn nhà cho ông H2, ông H3 và ông mỗi người 01 căn. Việc mẹ cho nhà này hoàn toàn không có văn bản nào ghi nhận vì lúc này mẹ ông cũng không có bất cứ giấy tờ gì về quyền sở hữu phần đất đang ở. Ông H3, ông H2 đã nhận nhà còn riêng ông chưa nhận do năm 1998 ông đã về quê vợ ở Cà Mau để làm ăn sinh sống. Căn nhà ông được cha mẹ cho bà H quản lý sử dụng để làm kho chứa phế liệu và chứa máy xay bọc nilon. Đến năm 2008, ông trở về thì bà H vẫn đang sử dụng trong căn nhà của ông được cho nên bà H nói vợ chồng ông lên ở căn nhà phía trước. Bà H có bỏ ra số tiền 17.000.000 đồng để nâng nền và tu sửa nhà lại cho gia đình ông ở. Gia đình ông ở ổn định tại đó từ năm 2008 đến năm 2012 thì có nghe lời ra tiếng vào từ các anh chị em. Bà H thường xuyên chửi và khởi kiện để yêu cầu được lấy lại căn nhà do bà H lớn tuổi, không có thu nhập gì khác, hai bên có thỏa thuận mỗi tháng ông đưa cho bà H 500.000 đồng ngoài ra không có điều kiện nào khác. Ông đưa tiền hàng tháng từ năm 2013 đến khoảng năm 2017. Năm 2018, bà H nộp đơn yêu cầu mỗi tháng đưa 1.500.000 đồng, ông không đồng ý nên bà H bắt đầu khởi kiện tranh chấp nhà đất cho đến nay. Ông không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Phương T1 trình bày:

Theo như chị biết bà nội chị là cụ Thái Kim N lúc còn sống đã xây 03 căn nhà cho cha chị và chú bác của chị nhưng lúc bấy giờ 02 căn nhà được bác Hai là ông Nguyễn Thái H2 và chú Sáu là Nguyễn Thái H3 ở cho đến bây giờ, còn cha chị là Nguyễn Thái H1 do nhu cầu làm ăn xa nên chưa thể sử dụng phần nhà trên được. Đến năm 2008, khi cha chị về sinh sống thì lúc đó căn nhà phía sau bà nội xây cho cha đã bị bà Nguyễn Thị Kim H sử dụng chứa phế liệu không ở được nên bà H đã cho cha chị sinh sống và buôn bán ở phía trước. Trong thời gian sinh sống này bà H thường xuyên lên quấy rối, đập phá và chửi bới với lý do không cho ở nữa. Nay bà H khởi kiện tranh chấp không cho gia đình chị ở nữa chị không đồng ý trả nhà đất cho bà H.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thiện T trình bày:

Anh ở tại nhà số 101A, Khu phố 1, Phường X, thành phố B từ năm 2003 đến nay. Bà nội anh cho 03 căn nhà cho ba người con là Nguyễn Thái H3, Nguyễn Thái H2, Nguyễn Thái H1. Ông H2 và ông H3 đã sử dụng 02 căn nhà, còn lại 01 căn thì bà H đang sử dụng chứa ve chai. Hiện tại, cha mẹ anh đang sinh sống tại căn nhà phía trước, bà H thường xuyên ra đuổi và đập phá nhà với lý do không cho ở. Đối với yêu cầu của bà H anh không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo kết quả thẩm tra của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, Hội đồng xét duyệt đất đai Phường X đã lập thủ tục và đề nghị đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Vì vậy, Ủy ban xác định quy trình và căn cứ để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 28, tờ bản đồ số 34 tại Phường X, thành phố B cho bà Nguyễn Thị Kim H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2019/DS-ST ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 158, 160 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H.

Buộc ông Nguyễn Thái H1, bà Huỳnh Thị Tuyết M, anh Nguyễn Thiện T, chị Nguyễn Thị Phương T1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim H đất và căn nhà gắn liền với đất có diện tích 49,9 m^2 thuộc một phần thửa 28 (28A), tờ bản đồ số 34 tọa lạc Phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nhà có kết cấu khung cột bê tông, cột thép, lát gạch ceramic, vách tường chung, mái tôn tráng kẽm, trần nhựa (có họa đồ kèm theo).

Ghi nhận việc ông Nguyễn Thái H1, bà Huỳnh Thị Tuyết M, anh Nguyễn Thiện T, chị Nguyễn Thị Phương T1 không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H hoàn lại số tiền 629.200 đồng (là giá trị căn phòng ốp nhựa trong căn nhà trên đất tranh chấp).

Ông Nguyễn Thái H1, bà Huỳnh Thị Tuyết M, anh Nguyễn Thiện T, chị Nguyễn Thị Phương T1 được quyền lưu cư trong hạn 90 (Chín mươi ngày) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để tìm chỗ ở mới.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thái H1 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim H đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại Phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/7/2019, bị đơn ông Nguyễn Thái H1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án phúc thẩm số: 332/2019/DS-PT ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H về việc đòi lại đất và căn nhà gắn liền với đất có diện tích 49,9 m^2 thuộc một phần thửa 28 (28A), tờ bản đồ số 34 tọa lạc Phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Nguyễn Thái H1, bà Huỳnh Thị Tuyết M, anh Nguyễn Thiện T, chị Nguyễn Thị Phương T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim H giá trị đất và căn nhà gắn liền trên đất diện tích 54,4 m^2 thuộc một phần thửa 28 (28A, 28B), tờ bản đồ số 34, mục đích sử dụng đất ở, tọa lạc Phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre số tiền 489.541.100đồng (bốn trăm tám mươi chín triệu năm trăm bốn mươi mốt ngàn một trăm đồng).

Ông Nguyễn Thái H1, bà Huỳnh Thị Tuyết M, anh Nguyễn Thiện T, chị Nguyễn Thị Phương T1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 54,4 m^2 thuộc một phần thửa 28 (28A, 28B), tờ bản đồ số 34, mục đích sử dụng đất ở, tọa lạc Phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre và căn nhà gắn liền trên đất có kết cấu khung cột bê tông, cột thép, lát gạch ceramic, vách tường chung, mái tôn tráng kẽm, trần nhựa (có họa đồ kèm theo).

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thái H1 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim H đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại Phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06/7/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số: 64/2022/KN-DS, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số: 332/2049/DS-PT ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 246/2022/DS-GĐT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 64/2022/KN-DS ngày 06/7/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số: 332/2049/DS-PT ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về vụ án "Tranh chấp đòi lại tài sản" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H với bị đơn ông Nguyễn Thái H1 và bà Huỳnh Thị Tuyết M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thiện T, bà Nguyễn Thị Phương T1 và Ủy ban nhân dân thành phố B. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thái H1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt, theo bản tự khai ngày 28/01/2023 ông H1 trình bày: Gia đình ông đã hoàn thành xong nghĩa vụ thi hành án đối với bà H, tài sản tranh chấp gia đình ông cũng đã chuyển nhượng cho người khác do đó ông đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, bà H trình bày: Việc bà phải nhận giá trị quyền sử dụng đất ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, nếu gia đình ông H1 khó khăn về chỗ ở thì bà có thể hỗ trợ chỗ ở khác trên phần đất phía sau của bà. Bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét để bà

được nhận lại nhà đất.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà H, nội dung quyết định giám đốc thẩm đã nêu rõ nếu trả bằng giá trị sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, do đó bà H yêu cầu bị đơn trả lại nhà đất, bà H sẽ trả lại số tiền đã nhận cho ông H1 để ông H1, anh T thanh lý khoản vay với ngân hàng. Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau khi thi hành xong bản án phúc thẩm thì đó là nghĩa vụ của ông H1, ông Tài, ông Khang với nhau, riêng quyền lợi của bà H cần được đảm bảo theo quyết định giám đốc thẩm đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Do phát sinh những tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, hủy Bản án sơ thẩm số: 30/2019/DS-ST ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Nguyễn Thái H1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thái H1, bà Huỳnh Thị Tuyết M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thiện T, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Phương T1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiện T cung cấp cho Tòa án bản phô tô hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 060/VCB/21CD ngày ngày 07/4/2021 giữa Bên cho vay Ngân hàng TMCP Y Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre với Bên vay ông Nguyễn Thiện T. Theo Điều 5 về biện pháp bảo đảm tiền vay của hợp đồng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CY483629 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 08/01/2021. Tài sản thế chấp nêu trên cũng là tài sản đang tranh chấp trong vụ án (nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử

dụng đối với phần đất nêu trên). Căn cứ Công văn số 24/BTr-KH ngày 17/02/2023 của Ngân hành TMCP Y Việt Nam Chi nhánh Bến Tre về việc cung cấp thông tin, ông Nguyễn Thiện T hiện đang vay vốn tại Ngân hàng Y với số tiền vay 700.000.000 đồng và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đang tranh chấp nêu trên, đồng thời Ngân hàng yêu cầu được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích của Ngân hàng.

Như vậy, tài sản là quyền sử dụng đất tranh chấp đã có sự chuyển dịch từ ông H1, bà M, anh T, chị T1 sang cho anh T và anh T đã thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để vay vốn tại Ngân hàng.

[2.2] Ngày 10/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nhận được Đơn khởi kiện đề ngày 09/03/2023 của anh Đỗ Trần K, theo nội dung đơn anh K yêu cầu anh Nguyễn Thiện T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng ngay sau khi anh tất toán xong các khoản vay cho Ngân hàng theo thỏa thuận đối với toàn bộ nhà và đất thuộc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại Phường X, thành phố B (kèm theo đơn là bản phô tô hợp đồng đặt cọc, giấy giao nhận tiền, hợp đồng mua bán nhà đất, biên bản bàn giao nhà và đất). Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà H trình bày bà yêu cầu được nhận lại tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất vì việc nhận tài sản bằng giá trị sẽ gây khó khăn, thiệt hại cho bà, đồng thời bà sẵn sàng hỗ trợ cho bị đơn nếu bị đơn có khó khăn về chỗ ở. Theo đó, bà đồng ý hỗ trợ chỗ ở cho bị đơn ở vị trí đất phía sau phần đất tranh chấp. Đây là thiện chí của nguyên đơn và cũng là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm.

[2.4] Ngoài ra, theo Giấy xác nhận kết quả thi hành án số: 48/CCTHADS ngày 20/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B thì tất cả các khoản phải thi hành án đã được thi hành án xong, không còn khoản nào phải thi hành án. Tuy nhiên, theo giấy xác nhận nêu trên thì cơ quan thi hành án chỉ căn cứ vào Bản án sơ thẩm số: 30/2019/DSST ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B và Bản án số: 332/2019/DS-PT ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Trong khi đó, do có lỗi rõ ràng về đánh máy do nhầm lẫn trong Bản án dân sự phúc thẩm số: 332/2019/DS-PT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân dân tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã có Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số: 22/2020/QĐ-SCBSBA ngày ngày 02 tháng 7 năm 2020, theo đó có sự sửa chữa diện tích đất từ 54,4m^2 thành 55,4m^2 và số tiền bị đơn phải trả từ 489.541.100 đồng thành 497.541.100 đồng. Tuy nhiên, các nội dung này chưa được đề cập trong giấy xác nhận kết quả thi hành án.

Từ những nhận định trên, xét thấy tại cấp phúc thẩm phát sinh những tình tiết mới, đồng thời cần thiết phải đưa thêm người tham gia tố tụng, ngoài ra cũng cần xác minh làm rõ các nội dung có liên quan đến việc thi hành án để giải quyết toàn diện, triệt để vụ án. Do đó, phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Theo Bản án số: 332/2019/DS-PT ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, ông Nguyễn Thái H1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0005087 ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Tuy nhiên, bản án trên bị cấp giám đốc thẩm hủy và kết quả xét xử phúc thẩm lại đã hủy bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Thái H1 không phải chịu án phí phúc thẩm, Chi cục thi hành án dân sự thành phố B hoàn lại cho ông H1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2019/DS-ST ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vụ án "Tranh chấp đòi lại tài sản" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H với bị đơn ông Nguyễn Thái H1, bà Huỳnh Thị Tuyết M, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố B để xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Nguyễn Thái H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005087 ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tòng